

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 15 tháng 7 năm 2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Trung Kiên.
- Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1988; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Thanh H vào ngày 07/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 8/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình.

Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng, từ tháng 07/2022 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thị Kim T, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với chị, khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai, ông Trần Văn S là bố đẻ anh Trần Thanh H cung cấp như sau: Anh H đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng do bận công việc nên anh H không đến Tòa án làm việc. Quá trình chung sống vợ chồng anh H có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022. Vợ chồng anh H có 02 con chung gồm Trần Thị Kim T, sinh năm 2013 và Trần Thảo V, sinh năm 2015. Ông không biết về tài sản, công nợ của vợ chồng anh H. Ông S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Thanh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Trần Thanh H. Về con chung: Giao chị Lê Thị N nuôi dưỡng 02 con chung gồm Trần Thị Kim T, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 01/10/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Trần Thanh H. Anh H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Lê Thị N kết hôn với anh Trần Thanh H vào ngày 07/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 8/2021 phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2022, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thị Kim T, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 01/10/2015, hiện nay các con chung đang ở với chị N. Để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nhận nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Trần Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung gồm Trần Thị Kim T, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 01/10/2015 (hiện nay các con chung đang ở với chị N). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị N nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003948 ngày 27/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Chị Lê Thị N và anh Trần Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Cường;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng